

Quan hệ từ

I - Nhận xét

1. Trong mỗi ví dụ dưới đây, từ in đậm được dùng để làm gì ?

a) Rừng say ngây **và** ấm nóng.

MA VĂN KHÁNG

b) Tiếng hót diu dặt **của** Hoạ Mi giục các loài chim dạo lên những khúc nhạc tung bùng, ca ngợi núi sông đang đổi mới.

VÓ QUẢNG

c) Hoa mai trở từng chùm thưa thớt, không đơm đặc **như** hoa đào. **Nhưng** cảnh mai uyển chuyển hơn cảnh đào.

Theo MÙA XUÂN VÀ PHONG TỤC VIỆT NAM

109

c) Bé Thu rất khoái ra ban công ngồi với ông nội, nghe ông rủ rỉ giảng về từng loài cây.

Theo VĂN LONG

2. Tìm cặp quan hệ từ ở mỗi câu sau và cho biết chúng biểu thị quan hệ gì giữa các bộ phận của câu.

a) Vì mọi người tích cực trồng cây nên quê hương em có nhiều cánh rừng xanh mát.

b) Tuy hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bạn Hoàng vẫn luôn học giỏi.

3. Đặt câu với mỗi quan hệ từ : **và, nhưng, của**.

2. Quan hệ giữa các ý ở mỗi câu dưới đây (*rừng cây bị chặt phá - mặt đất thưa vắng bóng chim ; mảnh vườn nhỏ bé - bầy chim vẫn về tụ hội*) được biểu hiện bằng những cặp từ nào ?

a) Nếu rừng cây cứ bị chặt phá xơ xác thì mặt đất sẽ ngày càng thưa vắng bóng chim.

b) Tuy mảnh vườn ngoài ban công nhà Thu thật nhỏ bé nhưng bầy chim vẫn thường rủ nhau về tụ hội.

II - Ghi nhớ

1. Quan hệ từ là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau : và, với, hay, hoặc, nhưng, mà, thì, của, ở, tại, bằng, như, để, về,...

2. Nhiều khi, từ ngữ trong câu được nối với nhau bằng một cặp quan hệ từ. Các cặp quan hệ từ thường gặp là :

- Vì ... nên ... ; do ... nên ... ; nhờ ... mà ... (biểu thị quan hệ nguyên nhân - kết quả).

- Nếu ... thì ... ; hễ ... thì ... (biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả, điều kiện - kết quả).

- Tuy ... nhưng ... ; mặc dù ... nhưng ... (biểu thị quan hệ tương phản).

- Không những ... mà ... ; không chỉ ... mà ... (biểu thị quan hệ tăng tiến).

III - Luyện tập

1. Tìm quan hệ từ trong mỗi câu sau và nêu rõ tác dụng của chúng :

a) Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hót kì diệu của Hoạ Mi đã làm cho tất cả bừng tỉnh giấc.

VÔ QUẢNG

b) Những hạt mưa to và nặng bắt đầu rơi xuống như ai ném đá, nghe rào rào.

NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ